

TỔNG CÔNG TY  
CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
KẾT CẤU KIM LOẠI & LẮP MÁY DẦU KHÍ  
Số 333/KCKL-TCKT  
V/v: Công bố BCTC 06 tháng đầu năm 2020 đã  
được Kiểm toán

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Vũng Tàu, ngày 18 tháng 08 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

**Kính gửi:** - Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước  
- Sở giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh (Hose)

Tên tổ chức niêm yết: Công ty Cổ phần Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí;  
Mã chứng khoán: PXS

Địa chỉ trụ sở chính: 02, Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thắng Nhất, Tp Vũng Tàu;  
Điện thoại : (0254) 3.848.404 Fax: (0254) 3.848.229

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Phạm Ngọc Tú – Kế toán trưởng

Địa chỉ : 02, Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thắng Nhất, Tp Vũng Tàu;

Loại thông tin công bố:  24h  Bất thường  Định kỳ  Theo yêu cầu

**Nội dung thông tin công bố:**

Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC MS) xin công bố thông tin: Báo cáo Tài chính 06 tháng đầu năm 2020 đã được Kiểm toán.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty đại chúng tại đường dẫn <http://pvc-ms/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- HĐQT; GD (để b/c);
- Ban Kiểm soát;
- CBTT trên Website Cty;
- Lưu: VT, TC-KT.

**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN**



TRƯỞNG PHÒNG TCKT  
*Phạm Ngọc Tú*

**CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ  
LẮP MÁY DẦU KHÍ**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020**



# CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

---

## MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 56

# CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thới Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 đã được soát xét.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong kỳ và đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
<b>Hội đồng quản trị</b>			
Ông Đinh Văn Hưng	Chủ tịch	30/6/2020	
Ông Liam Hau Guan	Thành viên	30/6/2020	
Ông Đinh Văn Tân	Thành viên	30/6/2020	
Ông Nguyễn Đức Tuấn	Thành viên độc lập	30/6/2020	
Ông Lương Phi Hùng	Thành viên độc lập	30/6/2020	
Ông Trần Vũ Phụng	Thành viên		30/6/2020
Ông Chu Thanh Hải	Thành viên		30/6/2020
<b>Ban Kiểm soát</b>			
Bà Nguyễn Thị Thùy Trang	Trưởng ban	30/6/2020	
Ông Hoàng Văn Hải	Thành viên	30/6/2020	
Ông Phạm Chu Tứ	Thành viên	30/6/2020	
<b>Ban điều hành, quản lý</b>			
Ông Đinh Văn Tân	Giám đốc	29/6/2020	
Ông Trần Vũ Phụng	Quyền Giám đốc		29/6/2020
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Giám đốc		
Ông Trần Sỹ Huân	Phó Giám đốc		
Ông Thái Doãn Thuyết	Phó Giám đốc		
Ông Trần Quang Ngọc	Phó Giám đốc	29/6/2020	

### ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này là ông Đinh Văn Tân, chức danh Giám đốc Công ty từ ngày 29 tháng 6 năm 2020.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Công ty.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;

## CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

### CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Giám đốc

  
**ĐINH VĂN TÂN - Giám đốc**

Vũng Tàu, ngày 15 tháng 8 năm 2020

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí, được lập ngày 15 tháng 8 năm 2020, từ trang 6 đến trang 56 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của Chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép Chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng Chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, Chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Cơ sở của kết luận ngoại trừ**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số VI.1 và VI.2: Trong kỳ, Công ty không ghi nhận doanh thu hoạt động xây lắp bao gồm giá trị khối lượng công việc xây lắp hoàn thành được khách hàng xác nhận trong tháng 01 năm 2020 với số tiền là 1.750.000.000 VND do đã ghi nhận vào Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019. Việc ghi nhận như vậy là không phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Việc ghi nhận doanh thu như vậy ở kỳ kế toán trước và đã dẫn đến việc Chúng tôi phải đưa ra kết luận ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020. Nếu như doanh thu được ghi nhận đúng kỳ trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020, chỉ tiêu "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" và "Giá vốn hàng bán" sẽ tăng lên với số tiền lần lượt là 1.750.000.000 VND và 3.098.275.480 VND. Đồng thời trên Bảng cân đối kế toán, khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước" sẽ tăng 1.348.275.480 VND và "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này" sẽ giảm 1.348.275.480 VND.

Như trình bày tại Thuyết minh V.6: Trong năm 2019, chi phí phát sinh tại Cảng Sao Mai Bến Đình đã được phân bổ cho các dự án không được thực hiện tại địa điểm này và chi phí tiền lương công nhân trực tiếp thi công công trình xây lắp được hạch toán vào chi phí dở dang của từng công trình, tuy nhiên các chi phí BHXH, BHYT, và KPCĐ (gọi tắt là “các khoản trích theo lương”) của các công nhân này được phân bổ cho các công trình theo sản lượng thi công thực tế trong năm. Việc phân bổ chi phí không hợp lý và không nhất quán đã làm cho giá trị chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang trên chỉ tiêu “Hàng tồn kho” tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 phản ánh cao hơn thực với số tiền 1.879.086.370 VND. Việc phân bổ chi phí như vậy ở kỳ kế toán trước và đã dẫn đến việc Chúng tôi phải đưa ra kết luận ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020. Nếu như chi phí phát sinh tại Cảng Sao Mai Bến Đình được phân bổ phù hợp và các khoản chi phí trích theo lương được hạch toán cho từng công trình thì số dư đầu năm của chỉ tiêu “Hàng tồn kho” sẽ giảm đi số tiền là 1.879.086.370 VND và khoản mục “Giá vốn hàng bán” trong kỳ sẽ giảm đi với số tiền tương ứng.

### **Kết luận ngoại trừ**

Căn cứ trên kết quả soát xét của Chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của kết luận ngoại trừ”, Chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến Chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2020

**Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt**



**NGUYỄN THỊ THƠM - Phó Tổng Giám đốc**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0787-2018-037-1

### **Nơi nhận:**

- Như trên
- Lru Vietland

**CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ**

Số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thới Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

MẪU B01a-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>631.049.514.414</b>	<b>494.892.173.095</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>18.325.406.329</b>	<b>102.507.019.226</b>
1. Tiền	111		8.325.406.329	102.507.019.226
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>333.978.718.655</b>	<b>202.806.922.049</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	407.836.288.424	244.212.265.780
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	37.003.058.361	60.700.842.688
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	10.337.803.676	14.211.111.063
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(121.198.431.806)	(116.317.297.482)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.6</b>	<b>265.173.135.554</b>	<b>176.744.102.312</b>
1. Hàng tồn kho	141		381.080.873.292	292.800.505.858
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(115.907.737.738)	(116.056.403.546)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>13.572.253.876</b>	<b>12.834.129.508</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	1.030.885.558	433.304.594
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	374.914.110
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	12.541.368.318	12.025.910.804
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>665.345.020.858</b>	<b>683.708.701.119</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>15.116.077.345</b>	<b>19.308.370.083</b>
Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	15.116.077.345	19.308.370.083
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>535.865.549.375</b>	<b>563.696.025.103</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	524.722.263.503	501.686.317.006
Nguyên giá	222		963.919.635.028	898.090.594.321
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(439.197.371.525)	(396.404.277.315)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.9	-	50.627.065.456
Nguyên giá	225		-	82.763.482.045
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	(32.136.416.589)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	11.143.285.872	11.382.642.641
Nguyên giá	228		28.555.904.162	28.256.996.162
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(17.412.618.290)	(16.874.353.521)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.11</b>	<b>7.550.694.619</b>	<b>7.726.258.951</b>
Nguyên giá	231		10.533.859.825	10.533.859.825
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(2.983.165.206)	(2.807.600.874)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.593.639.558</b>	<b>1.593.639.558</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	1.593.639.558	1.593.639.558
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.13</b>	<b>50.000.000</b>	<b>50.000.000</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		5.050.000.000	5.050.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>105.169.059.961</b>	<b>91.334.407.424</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	105.169.059.961	91.334.407.424
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.296.394.535.272</b>	<b>1.178.600.874.214</b>

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ**

Số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thới Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>956.854.472.632</b>	<b>840.962.875.994</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>950.366.599.433</b>	<b>833.020.957.995</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	391.005.377.126	292.067.924.733
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	198.781.423.637	289.902.620.843
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	27.547.594.128	24.740.309.215
4. Phải trả người lao động	314		32.861.512.237	22.032.647.186
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	150.107.733.189	48.246.422.023
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.18a	100.082.928	78.784.521
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a	21.158.749.948	27.596.634.316
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	120.099.692.438	118.153.696.457
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.21a	3.011.374.150	2.843.965.400
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.22	5.693.059.652	7.357.953.301
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>6.487.873.199</b>	<b>7.941.917.999</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.18b	632.802.041	706.579.704
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.19b	774.188.400	445.789.067
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	3.060.969.253	4.769.635.723
4. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.21b	2.019.913.505	2.019.913.505
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>339.540.062.640</b>	<b>337.637.998.220</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.23</b>	<b>339.540.062.640</b>	<b>337.637.998.220</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		600.000.000.000	600.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>600.000.000.000</i>	<i>600.000.000.000</i>
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		13.251.400.000	13.251.400.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(20.000)	(20.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		92.258.894.332	92.258.894.332
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lũ lũy kế)	421		(365.970.211.692)	(367.872.276.112)
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước (lũ lũy kế)</i>	<i>421a</i>		<i>(367.872.276.112)</i>	<i>(99.283.245.660)</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>1.902.064.420</i>	<i>(268.589.030.452)</i>
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.296.394.535.272</b>	<b>1.178.600.874.214</b>

Vũng Tàu, ngày 15 tháng 8 năm 2020

**ĐINH VĂN TÂN**  
Giám đốc

**PHẠM NGỌC TÚ**  
Kế toán trưởng

**NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LAN**  
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ**

Số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thới Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**


Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

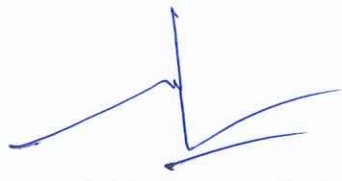
MẪU B02a-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	476.739.332.457	127.477.684.454
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		476.739.332.457	127.477.684.454
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	451.297.784.322	170.277.698.521
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		25.441.548.135	(42.800.014.067)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	456.085.175	4.485.116.989
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	4.916.140.542	11.545.221.771
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.871.128.953	11.311.093.292
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	19.717.349.067	22.301.129.118
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.264.143.701	(72.161.247.967)
11. Thu nhập khác	31		104.036.417	23.391.841.009
12. Chi phí khác	32		773.403.267	1.279.983.297
13. Lợi nhuận khác	40	VI.6	(669.366.850)	22.111.857.712
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		594.776.851	(50.049.390.255)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	(1.307.287.569)	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.902.064.420	(50.049.390.255)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8a	32	(834)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8b	32	(834)

Vũng Tàu, ngày 15 tháng 8 năm 2020


  
ĐINH VĂN TÂN  
Giám đốc


  
PHẠM NGỌC TÚ  
Kế toán trưởng


  
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LAN  
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ**

Số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thảng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mẫu B 03a-DN  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận (lỗ) trước thuế	01		594.776.851	(50.049.390.255)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		26.368.882.320	29.543.844.443
- Các khoản dự phòng	03		4.899.877.266	(4.474.461.807)
- (Lãi)/ Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(202.235.193)	13.999.631
- Lỗ/ (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	VII	142.001.396	(7.250.893.720)
- Chi phí lãi vay	06		4.871.128.953	11.311.093.292
3. Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		36.674.431.593	(20.905.808.416)
- (Tăng)/ Giảm các khoản phải thu	09		(131.980.920.770)	104.346.369.756
- (Tăng)/ Giảm hàng tồn kho	10		(88.280.367.434)	4.709.729.956
- Tăng/ (Giảm) các khoản phải trả (không kể chi phí lãi vay phải trả)	11	VII	120.052.256.593	(52.816.828.958)
- (Tăng)/ Giảm chi phí trả trước	12		(14.432.233.501)	3.805.768.218
- Tiền lãi vay đã trả	14	VII	(6.237.060.976)	(8.671.618.000)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.664.893.649)	(2.492.832.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>(85.868.788.144)</b>	<b>27.974.780.556</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	VII	(436.353.000)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.727.272.727	2.806.363.635
3. Tiền thu lãi tiền gửi ngân hàng	27	VII	190.975.791	4.521.871.651
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>1.481.895.518</b>	<b>7.328.235.286</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		64.798.846.942	28.413.023.256
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(51.566.562.427)	(107.175.211.275)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(12.994.955.004)	(7.531.401.178)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		<b>237.329.511</b>	<b>(86.293.589.197)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	50		<b>(84.149.563.115)</b>	<b>(50.990.573.355)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	102.507.019.226	245.666.543.256
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(32.049.782)	132.105.534
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	70	V.1	<b>18.325.406.329</b>	<b>194.808.075.435</b>

Vũng Tàu, ngày 15 tháng 8 năm 2020

ĐINH VĂN TÂN  
Giám đốcPHẠM NGỌC TÚ  
Kế toán trưởngNGUYỄN THỊ PHƯƠNG LAN  
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

# CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 02 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

MẪU B09a-DN

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500834094 ngày 26 tháng 11 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Cho đến thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi đến lần thứ mười hai số 3500834094 vào ngày 21 tháng 6 năm 2018.

Cổ phiếu của Công ty được phép niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 02 tháng 6 năm 2010 với mã chứng khoán là PXS.

- **Vốn điều lệ** : 600.000.000.000 VND

Số cổ phiếu : 60.000.000 cổ phiếu

Mệnh giá : 10.000 VND/ cổ phiếu

*Cơ cấu vốn điều lệ như sau:*

Stt	Tên cổ đông	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VND)	Tỷ lệ (%)
1	Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	30.584.533	305.845.330.000	50,97%
2	Công ty TNHH Mepcorn Offshore & Marine	6.000.000	60.000.000.000	10,00%
3	Vốn góp của các cổ đông khác	23.415.467	234.154.670.000	39,03%
	<b>Cộng</b>	<b>60.000.000</b>	<b>600.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>

- **Trụ sở hoạt động**

Địa chỉ : Số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Điện thoại : (0254) 3 848 229

Fax : (0254) 3 848 404

Mã số thuế: **3 5 0 0 8 3 4 0 9 4**

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại, xây dựng và dịch vụ.

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*

# CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 3. Ngành, nghề kinh doanh

Đào tạo nâng cao CBCN kỹ thuật chuyên ngành;

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chi tiết: Kinh doanh bất động sản; Đầu tư xây dựng các nhà máy chế tạo ống thép, nhà máy chế tạo cơ khí, thiết bị phục vụ ngành dầu khí; Đầu tư xây dựng cảng sông, cảng biển; Đầu tư xây dựng các khu công nghiệp; Kinh doanh văn phòng, nhà ở);

Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại (Chi tiết: Sản xuất thiết bị cơ khí phục vụ ngành dầu khí, đóng tàu và kinh doanh cảng sông, cảng biển);

Hoạt động thiết kế chuyên dụng (Chi tiết: Khảo sát, thiết kế, chế tạo, lắp đặt các chân đế giàn khoan, khối thượng tầng, các kết cấu kim loại, các bồn bể chứa (xăng dầu, khí hóa lỏng, nước), bình chịu áp lực và hệ thống công nghệ; Thiết kế kiến trúc công trình; thiết kế cơ khí công trình dân dụng và công nghiệp);

Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị);

Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét (Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng);

Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Chi tiết: Xây dựng các công trình dầu khí (ngoài khơi và trên đất liền), xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, cảng sông, cảng biển, xây dựng đô thị);

Đóng tàu và cấu kiện nổi (Chi tiết: Đóng tàu, giàn khoan trên đất liền, ngoài biển)

Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Kinh doanh vật tư, thiết bị xây dựng dầu khí; Chế tạo và cung cấp các loại ống thép, ống nổi, khớp nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực dầu khí, công nghiệp);

Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp, thiết bị điều khiển, tự động hóa trong công nghiệp, lắp đặt các đường dây tải điện, các hệ thống điện dân dụng, công nghiệp);

Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Chi tiết: Lập thẩm tra báo cáo đầu tư dự án, đầu tư xây dựng công trình Lập tổng dự toán, dự toán các công trình, lập thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công công trình dầu khí, dân dụng, công nghiệp Quản lý dự án; quản lý chất lượng xây dựng công trình Tư vấn đấu thầu, lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu các công trình Khảo sát địa hình, địa chất công trình Thẩm tra tổng dự toán và dự toán chi tiết các công trình; Thiết kế hệ thống điện, phần nhiệt và điện lạnh công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế cơ khí công trình dầu khí; Thiết kế công nghệ công trình công nghiệp hóa chất, chế biến khí; Thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị; công trình điện áp dưới 220KV; thiết kế kiến trúc công trình dân dụng, công nghiệp; Thiết kế xây dựng, cơ điện, cơ khí công trình công nghiệp; Thiết kế công trình công nghiệp (cấp nhiệt, điều hòa nhiệt độ); Thiết kế đường ống công nghệ công trình dầu khí.);

Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;

Cung ứng và quản lý nguồn lao động (Doanh nghiệp chỉ được phép hoạt động khi được sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp giấy phép hoạt động giới thiệu việc làm);

Bốc xếp hàng hóa (Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa tại cảng sông, cảng biển);

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ hàng hải: Dịch vụ đại lý tàu biển; dịch vụ đại lý vận tải đường biển; dịch vụ môi giới hàng hải; dịch vụ cung ứng tàu biển; dịch vụ kiểm đếm hàng hóa; dịch vụ lai dắt tàu biển; dịch vụ sửa chữa tàu biển tại cảng; dịch vụ vệ sinh tàu biển; dịch vụ bốc dỡ hàng hóa tại cảng Quản lý, điều hành, kinh doanh khai thác cảng dịch vụ dầu khí Cung cấp dịch vụ hạ thủy, nâng hạ Kinh doanh vận tải đa phương thức trong và ngoài nước);

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

# CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Chi tiết: Mua bán xăng dầu, khí đốt và các sản phẩm có liên quan; mua bán các chất bôi trơn, làm sạch động cơ);

Hoạt động của trụ sở văn phòng (Chi tiết: Kinh doanh và cho thuê văn phòng làm việc);

Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Chi tiết: Kinh doanh cho thuê kho tàng, nhà xưởng);

Cho thuê xe có động cơ (Chi tiết: Kinh doanh cho thuê phương tiện vận tải);

Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (Chi tiết: Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình công nghiệp; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình đường dây và TBA đến 35KV);

Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (Chi tiết: bán buôn thiết bị nâng hạ, vận chuyển, thi công);

Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Chi tiết: bán buôn thiết bị nâng hạ, vận chuyển, thi công).

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### 5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 đã được soát xét và Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán.

#### 6. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 là 971 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 933 người).

### II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 thuộc kỳ kế toán năm thứ 11 của Công ty.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

# CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ:

##### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

##### 2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

##### 3. Công cụ tài chính

###### Ghi nhận ban đầu

###### ***Tài sản tài chính***

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu của khách hàng, phải thu khác và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

###### ***Nợ phải trả tài chính***

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*

# CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

### **Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### ***Bù trừ các công cụ tài chính***

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

#### ***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

#### **4. Ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh giao dịch theo nguyên tắc sau:

- Giao dịch mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi) được hạch toán theo tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư;
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày Báo cáo tài chính giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của Bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Đối với tài sản tiền tệ (tiền mặt và các khoản phải thu): Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng và các khoản ký quỹ ngoại tệ ngân hàng, thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ hoặc ký quỹ ngoại tệ;
- Đối với các khoản phải trả tiền tệ (phải trả người bán, các khoản phải trả khác và các khoản vay): Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại ngày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ (sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm) được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

#### **5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.



# CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thới Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty thể hiện các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác.

##### *Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo nguyên tắc giá gốc, bao gồm giá mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư.

Cổ tức và lợi nhuận từ đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập khi khoản đầu tư bị tổn thất tại ngày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập chi tiết như sau:

- Đối với khoản đầu tư chứng khoán niêm yết, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của các loại chứng khoán mà Công ty đang nắm giữ;
- Đối với khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị chưa niêm yết, việc lập dự phòng dựa trên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định dựa trên các kỹ thuật định giá một cách đáng tin cậy;
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại ngày Báo cáo tài chính giữa niên độ, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Công ty tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực tại ngày Báo cáo tài chính giữa niên độ của đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày Báo cáo tài chính giữa niên độ được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Lãi/lỗ khi thanh lý, nhượng bán đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

#### 7. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm các khoản phải thu về tiền bán hàng, phải thu tiền thi công xây dựng các công trình, phải thu dịch vụ cung cấp.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày Báo cáo tài chính giữa niên độ đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng Công ty thu thập được các bằng

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*

# CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

chúng xác định tổ chức kinh tế đã phá sản, đã mở thủ tục pháp sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được Công ty yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được Công ty khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Tăng, giảm số dư dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

#### 8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Tăng, giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

#### 9. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu có).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 30
Máy móc thiết bị	3 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 7

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do bán hay thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

#### 10. Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*

# CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ phi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc thiết bị	3 - 10

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

#### **11. Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính.

##### ***Quyền sử dụng đất***

Giá trị quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng của lô đất.

##### ***Phần mềm máy tính***

Giá trị phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

#### **12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản chưa hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

##### ***Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản***

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng, và phí lãi vay (nếu có)... liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại ngày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

# CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 13. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là phần diện tích sàn tầng 1 và tầng 2 của Khu phức hợp Chung cư Cao ốc Văn phòng tại số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong thời gian 30 năm.

#### 14. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện tiền thuê hạ tầng bãi cảng Sao Mai Bến Đình, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, chi phí công cụ, dụng cụ và các chi phí khác.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước ngắn hạn”; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước dài hạn”.

- Tiền thuê hạ tầng bãi cảng Sao Mai Bến Đình, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thể hiện số tiền thuê hạ tầng bãi cảng Sao Mai Bến Đình đã trả trước. Tiền thuê hạ tầng bãi cảng Sao Mai Bến Đình trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.
- Các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính từ 2 đến 4 năm.

#### 15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả dùng để phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cổ tức, lợi nhuận phải trả; các khoản phải trả không mang tính chất thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ, nhận ký quỹ, ký cược và các khoản phải trả khác.

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*

# CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thới Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 16. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

##### *Chi phí bảo hành sản phẩm, công trình xây lắp*

Dự phòng cho bảo hành được lập cho từng loại sản phẩm, công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Công ty được ước tính từ 3% đến 10% trên doanh thu các sản phẩm và công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành.

#### 17. Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

#### 18. Doanh thu

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày Báo

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*

## CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

#### **Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

cáo tài chính giữa niên độ. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### ***Doanh thu từ hợp đồng xây dựng***

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây)

#### ***Lãi tiền gửi***

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

### **19. Hợp đồng xây dựng**

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp:

- (a) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày Báo cáo tài chính giữa niên độ mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.
- (b) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Phần công việc đã hoàn thành được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính giữa niên độ so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

### **20. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*

# CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

### **Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### **21. Chi phí**

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### **22. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm khi phát sinh ngoại trừ được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### **23. Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*

# CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### 24. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

#### 25. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### 26. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	2.733.872	1.594.596
Tiền gửi ngân hàng (i)	8.322.672.457	102.505.424.630
Các khoản tương đương tiền (ii)	10.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>18.325.406.329</b>	<b>102.507.019.226</b>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



# CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (i) Trong số dư tiền gửi ngân hàng bao gồm số tiền 1.856.538.260 VND là tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương đang bị hạn chế sử dụng. Ban Giám đốc đánh giá khoản tiền này sẽ thu hồi được trong tương lai khi có những quyết định/ hướng dẫn cụ thể của Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền.
- (ii) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Vũng Tàu với lãi suất 3,1% - 4,2% /năm.

## 2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan</i></b>	<b>72.052.706.084</b>	<b>81.653.534.236</b>
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu Khí.	195.228.500	195.228.500
Ban điều hành dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	43.852.633.214	50.193.646.069
Ban điều hành các dự án của PVC tại Phía Nam Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống bể chứa Dầu khí - XNXL1	1.212.011.002	2.606.513.398
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)	13.369.400	13.369.400
Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV OIL)	200.156.144	200.156.144
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật khoan Dầu khí (PVD)	6.050.948.957	6.050.948.957
Công ty Cổ phần Dịch vụ lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công trình Dầu khí biển PTSC	65.207.646	249.208.373
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	553.038.200	553.038.200
Liên doanh Việt - Nga Vietsovetro	2.743.127.776	2.743.127.776
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí miền Nam	16.902.931.345	18.584.243.519
	264.053.900	264.053.900
<b><i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác</i></b>	<b>335.783.582.340</b>	<b>162.558.731.544</b>
Ban quản lý dự án 5B - Cảng xuất SP NMLD DQ	3.658.243.771	3.658.243.771
Công ty TNHH Hóa Dầu Long Sơn	168.723.390.171	-
Ban quản lý dự án công trình DK I	116.734.967.999	116.734.967.999
Tổng công ty lắp máy Việt Nam - CTCP (Lilama)	22.918.044.568	21.308.314.560
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Sao Đại Dương	1.916.801.633	1.916.801.633
Công ty Cổ phần Lilama 18 (Lilama 18)	5.972.015.870	7.472.015.870
Công ty Hyundai Engineering Co., Ltd Hàn Quốc	3.137.832.852	404.235.324
Các khách hàng khác	12.722.285.476	11.064.152.387
<b>Cộng</b>	<b>407.836.288.424</b>	<b>244.212.265.780</b>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

**CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ**

Số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn là các bên liên quan</i>	<b>1.072.238.743</b>	<b>1.072.238.743</b>
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	353.896.681	353.896.681
Công ty Cổ phần Trang trí nội thất Dầu Khí	718.342.062	718.342.062
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn khác</i>	<b>35.930.819.618</b>	<b>59.628.603.945</b>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Thương mại Dầu khí Thanh Long	2.618.302.140	6.919.118.600
Công ty TNHH MTV OGS	5.743.925.354	-
Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng DAE AH S-TANK ENGINEERING CO.,LTD-Thầu phụ Bể chứa hình cầu Góí thầu A2 Dự án Tổ hợp Hóa dầu miền Nam Việt Nam	19.195.530.000	-
Công ty TNHH MTV Dương Tú Tuấn	-	6.934.222.868
Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Nam Khang	-	28.528.500.000
Công ty Cổ phần Lilama 18 (Lilama 18)	-	15.351.915.087
Các nhà cung cấp khác	2.841.495.225	1.894.847.390
<b>Cộng</b>	<b><u>37.003.058.361</u></b>	<b><u>60.700.842.688</u></b>

**4. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>10.337.803.676</b>	<b>(663.837.752)</b>	<b>14.211.111.063</b>	<b>(530.837.752)</b>
Tạm ứng	2.437.550.365	(314.739.631)	1.009.736.110	(314.739.631)
Ký cược, ký quỹ	1.768.609.621	-	9.230.360.054	-
Thuế GTGT của tài sản thuê tài chính	-	-	1.156.000.668	-
Các khoản phải thu khác	6.131.643.690	(349.098.121)	2.815.014.231	(349.098.121)
<b>b) Dài hạn</b>	<b>15.116.077.345</b>	<b>-</b>	<b>19.308.370.083</b>	<b>-</b>
Ký cược, ký quỹ	15.116.077.345	-	19.308.370.083	-
<b>Cộng</b>	<b><u>25.453.881.021</u></b>	<b><u>(663.837.752)</u></b>	<b><u>33.519.481.146</u></b>	<b><u>(663.837.752)</u></b>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

## CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 02 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thới Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

#### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 5. Nợ xấu

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
<b>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</b>	<b>135.873.378.189</b>	<b>14.674.946.383</b>	<b>(121.198.431.806)</b>	<b>128.962.635.530</b>	<b>12.645.338.048</b>	<b>(116.317.297.482)</b>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>	<i>134.855.643.756</i>	<i>14.674.946.383</i>	<i>(120.180.697.373)</i>	<i>127.944.901.097</i>	<i>12.645.338.048</i>	<i>(115.299.563.049)</i>
Ban quản lý dự án 5B - Cảng xuất SP NMLD DQ	3.658.243.771	-	(3.658.243.771)	3.658.243.771	-	(3.658.243.771)
Công ty Cổ phần Thi công Cơ Giới & lắp máy DK (PVC-ME)	200.156.144	-	(200.156.144)	200.156.144	-	(200.156.144)
Công ty Cổ phần Dịch vụ lắp đặt, Vận hành & Bảo dưỡng PTSC	553.038.200	-	(553.038.200)	553.038.200	-	(553.038.200)
Công ty TNHH Xây lắp Nhật Minh	617.267.228	185.180.168	(432.087.060)	617.267.228	308.633.614	(308.633.614)
MEPCOM OFFSHORE AND MARINE PTE LTD	249.213.690	-	(249.213.690)	249.213.690	74.764.107	(174.449.583)
Công ty TNHH Xây dựng Cường Hà	137.808.361	68.904.180	(68.904.181)	137.808.361	68.904.180	(68.904.181)
Công ty Cổ phần Xây dựng công nghiệp và Dân dụng Dầu Khí.	195.228.500	-	(195.228.500)	195.228.500	-	(195.228.500)
Ban Quản lý dự án DKI	116.734.967.999	11.867.641.999	(104.867.326.000)	116.734.967.999	11.867.641.999	(104.867.326.000)
Công ty Cổ phần Lilama 18	5.972.015.870	1.248.523.236	(4.723.492.634)	-	-	-
Phải thu phí vận hành chung cư	766.677.002	-	(766.677.002)	766.677.002	-	(766.677.002)
Phải thu tiền gửi xe chung cư	180.000.003	-	(180.000.003)	180.000.003	-	(180.000.003)

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

## CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

#### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Tiền sử dụng điện, nước sinh hoạt của các hộ chung cư	189.819.000	-	(189.819.000)	189.819.000	-	(189.819.000)
Khách hàng khác	5.401.207.988	1.304.696.800	(4.096.511.188)	4.462.481.199	325.394.148	(4.137.087.051)
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>353.896.681</b>	<b>-</b>	<b>(353.896.681)</b>	<b>353.896.681</b>	<b>-</b>	<b>(353.896.681)</b>
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An - Trả trước	353.896.681	-	(353.896.681)	353.896.681	-	(353.896.681)
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>663.837.752</b>	<b>-</b>	<b>(663.837.752)</b>	<b>663.837.752</b>	<b>-</b>	<b>(663.837.752)</b>
Ông Phạm Hải Nam	133.000.000	-	(133.000.000)	133.000.000	-	(133.000.000)
Ông Huỳnh Kim Quy	530.837.752	-	(530.837.752)	530.837.752	-	(530.837.752)
<b>Cộng</b>	<b>135.873.378.189</b>	<b>14.674.946.383</b>	<b>(121.198.431.806)</b>	<b>128.962.635.530</b>	<b>12.645.338.048</b>	<b>(116.317.297.482)</b>

Thông tin về khoản nợ xấu bao gồm:

- Các khoản nợ xấu liên quan các khoản phải thu của khách hàng cung cấp dịch vụ, các khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên, hoặc các khách hàng khó có khả năng thanh toán, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự.
- Không có khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm,.. theo hợp đồng phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu.
- Giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu được xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng đã trích lập.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

**CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ**

Số 02 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi trong kỳ và năm trước như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Số đầu năm</b>	<b>(116.317.297.482)</b>	<b>(8.119.405.321)</b>
Trích lập dự phòng trong năm/ kỳ	(4.921.710.186)	(108.197.892.161)
Hoàn nhập dự phòng trong năm/ kỳ	40.575.862	-
<b>Số cuối năm/ kỳ</b>	<b>(121.198.431.806)</b>	<b>(116.317.297.482)</b>

**6. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	3.306.736.925	(80.830.800)	5.892.834.580	(229.496.608)
Công cụ, dụng cụ	2.993.322.320	-	3.303.715.608	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	374.780.814.047	(115.826.906.938)	283.603.955.670	(115.826.906.938)
<b>Cộng</b>	<b>381.080.873.292</b>	<b>(115.907.737.738)</b>	<b>292.800.505.858</b>	<b>(116.056.403.546)</b>

(\*) Trong năm 2019, chi phí phát sinh tại Cảng Sao Mai Bến Đình đã được phân bổ cho các dự án không được thực hiện tại địa điểm này và chi phí tiền lương công nhân trực tiếp thi công công trình xây lắp được hạch toán vào chi phí dở dang của từng công trình, tuy nhiên các chi phí BHXH, BHYT, và KPCĐ (gọi tắt là “các khoản trích theo lương”) của các công nhân này được phân bổ cho các công trình theo sản lượng thi công thực tế trong năm. Việc phân bổ chi phí không hợp lý và không nhất quán đã làm cho giá trị chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang trên chỉ tiêu “Hàng tồn kho” tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 phản ánh cao hơn thực với số tiền 1.879.086.370 VND. Nếu như chi phí phát sinh tại Cảng Sao Mai Bến Đình được phân bổ phù hợp và các khoản chi phí trích theo lương được hạch toán cho từng công trình thì số dư đầu năm của chỉ tiêu “Hàng tồn kho” sẽ giảm đi số tiền là 1.879.086.370 VND và khoản mục “Giá vốn hàng bán” trong kỳ sẽ giảm đi với số tiền tương ứng.

**7. Chi phí trả trước**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>1.030.885.558</b>	<b>433.304.594</b>
Công cụ, dụng cụ	540.870.578	392.973.545
Chi phí khác	490.014.980	40.331.049
<b>b) Dài hạn</b>	<b>105.169.059.961</b>	<b>91.334.407.424</b>
Chi phí thuê hạ tầng bãi cảng Sao Mai Bến Đình, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	87.359.831.940	88.406.111.988
Công cụ, dụng cụ	17.809.228.021	2.928.295.436
<b>Cộng</b>	<b>106.199.945.519</b>	<b>91.767.712.018</b>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

**CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ**

Số 02 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****8. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	696.529.941.710	154.680.119.994	36.061.597.883	10.818.934.734	898.090.594.321
Tăng trong kỳ	-	82.900.927.045	-	-	82.900.927.045
<i>Mua lại tài sản thuê tài chính</i>	-	82.900.927.045	-	-	82.900.927.045
Giảm trong kỳ	185.017.338	16.588.351.373	131.662.333	166.855.294	17.071.886.338
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	185.017.338	16.588.351.373	131.662.333	166.855.294	17.071.886.338
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>696.344.924.372</b>	<b>220.992.695.666</b>	<b>35.929.935.550</b>	<b>10.652.079.440</b>	<b>963.919.635.028</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số đầu năm	226.000.597.547	126.798.548.430	32.786.196.604	10.818.934.734	396.404.277.315
Tăng trong kỳ	13.765.330.850	42.818.849.381	1.207.289.577	-	57.791.469.808
<i>Mua lại tài sản thuê tài chính</i>	-	37.115.605.976	-	-	37.115.605.976
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	13.765.330.850	5.703.243.405	1.207.289.577	-	20.675.863.832
Giảm trong kỳ	185.017.338	14.514.840.633	131.662.333	166.855.294	14.998.375.598
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	185.017.338	14.514.840.633	131.662.333	166.855.294	14.998.375.598
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>239.580.911.059</b>	<b>155.102.557.178</b>	<b>33.861.823.848</b>	<b>10.652.079.440</b>	<b>439.197.371.525</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	470.529.344.163	27.881.571.564	3.275.401.279	-	501.686.317.006
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>456.764.013.313</b>	<b>65.890.138.488</b>	<b>2.068.111.702</b>	<b>-</b>	<b>524.722.263.503</b>
<b>Nguyên giá của TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:</b>					
Số đầu năm	31.443.005.980	65.630.855.493	18.853.234.188	10.818.934.734	126.746.030.395
<b>Số cuối năm</b>	<b>35.906.810.023</b>	<b>72.933.011.102</b>	<b>21.859.906.400</b>	<b>10.652.079.440</b>	<b>141.351.806.965</b>

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*

**CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ**

Số 02 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Như trình bày tại Thuyết minh số V.20, Công ty đã thế chấp một số tài sản cố định hữu hình là nhà xưởng, máy móc thiết bị với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 là 8.492.715.527 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 22.068.775.325 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngắn hạn và dài hạn.

**9. Tài sản cố định thuê tài chính**

Khoản mục	<u>Máy móc thiết bị</u>
<b>Nguyên giá</b>	
Số đầu năm	82.763.482.045
Tăng trong kỳ	-
Giảm trong kỳ	82.763.482.045
<i>Mua lại tài sản thuê tài chính</i>	<u>82.763.482.045</u>
<b>Số cuối kỳ</b>	<u>-</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số đầu năm	32.136.416.589
Tăng trong kỳ	4.979.189.387
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	4.979.189.387
Giảm trong kỳ	37.115.605.976
<i>Mua lại tài sản thuê tài chính</i>	<u>37.115.605.976</u>
<b>Số cuối kỳ</b>	<u>-</u>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số đầu năm	<u>50.627.065.456</u>
<b>Số cuối kỳ</b>	<u>-</u>

**10. Tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	15.166.470.000	13.090.526.162	28.256.996.162
Tăng trong kỳ	-	298.908.000	298.908.000
<i>Mua trong kỳ</i>	-	298.908.000	298.908.000
Giảm trong kỳ	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<u>15.166.470.000</u>	<u>13.389.434.162</u>	<u>28.555.904.162</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số đầu năm	4.419.660.275	12.454.693.246	16.874.353.521
Tăng trong kỳ	206.834.304	331.430.465	538.264.769
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	206.834.304	331.430.465	538.264.769
Giảm trong kỳ	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<u>4.626.494.579</u>	<u>12.786.123.711</u>	<u>17.412.618.290</u>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	10.746.809.725	635.832.916	11.382.642.641
<b>Số cuối kỳ</b>	<u>10.539.975.421</u>	<u>603.310.451</u>	<u>11.143.285.872</u>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

# CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nguyên giá của các phần mềm máy tính bao gồm phần mềm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 là 11.316.676.162 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 11.316.676.162 VND).

#### 11. Bất động sản đầu tư

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc
Nguyên giá	
Số đầu năm	10.533.859.825
Tăng trong kỳ	-
Giảm trong kỳ	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>10.533.859.825</b>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số đầu năm	2.807.600.874
Tăng trong kỳ	175.564.332
Khấu hao trong kỳ	175.564.332
Giảm trong kỳ	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>2.983.165.206</b>
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	7.726.258.951
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>7.550.694.619</b>

#### 12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các hạng mục trên Bãi cảng giai đoạn 2 - phân kỳ 3	1.552.289.103	1.552.289.103
Đường ống phòng cháy chữa cháy dự án Bãi cảng phân kỳ 3	41.350.455	41.350.455
<b>Cộng</b>	<b>1.593.639.558</b>	<b>1.593.639.558</b>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



## CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 02 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

#### 13. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>						
Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép						
Dầu khí Việt Nam	50.000.000	-	50.000.000	50.000.000	-	50.000.000
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam						
Kinh	5.000.000.000	(5.000.000.000)	-	5.000.000.000	(5.000.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>5.050.000.000</b>	<b>(5.000.000.000)</b>	<b>50.000.000</b>	<b>5.050.000.000</b>	<b>(5.000.000.000)</b>	<b>50.000.000</b>

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác không có đủ thông tin trên thị trường, giá trị hợp lý của khoản đầu tư này là giá trị ghi sổ của khoản đầu tư tại ngày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*

**CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ**

Số 02 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****14. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b><i>Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan</i></b>	<b>58.808.687.347</b>	<b>58.808.687.347</b>	<b>57.930.529.896</b>	<b>57.930.529.896</b>
Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam	1.623.094.684	1.623.094.684	1.623.094.684	1.623.094.684
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	20.026.981.293	20.026.981.293	20.233.861.839	20.233.861.839
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	135.220.650	135.220.650	135.220.650	135.220.650
CN Xây lắp Công trình Dầu khí Phía Bắc - PVC	278.440.483	278.440.483	278.440.483	278.440.483
Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Bình Sơn	1.044.106.790	1.044.106.790	1.044.106.790	1.044.106.790
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	1.714.723.844	1.714.723.844	1.714.723.844	1.714.723.844
Ban điều hành các dự án của PVC tại Phía Nam	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	397.877.829	397.877.829	397.877.829	397.877.829
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí-CTCP (PVE)	2.274.571.394	2.274.571.394	2.274.571.394	2.274.571.394
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	24.000.000	24.000.000	135.999.999	135.999.999
Công ty TNHH Khách sạn Dầu khí PTSC	6.860.700	6.860.700	6.860.700	6.860.700
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình	3.643.473.733	3.643.473.733	3.669.873.594	3.669.873.594
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu (PVOIL Vũng Tàu)	2.725.937.801	2.725.937.801	2.921.118.501	2.921.118.501
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	246.555.998	246.555.998	246.555.998	246.555.998
Công ty Bảo hiểm PVI Vũng tàu	209.465.334	209.465.334	98.835.142	98.835.142
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật khoan Dầu khí (PVD)	173.597.970	173.597.970	418.653.814	418.653.814

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*

**CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ**

Số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Kinh doanh khí Miền Nam - CN Miền Đông	165.884.625	165.884.625	165.884.625	165.884.625
Công ty Cổ phần Chế tạo giàn khoan Dầu khí Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển - Petrosetco	1.217.038.404	1.217.038.404	-	-
Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD Công ty TNHH MTV DV cơ khí hàng hải PTSC	3.497.574.970	3.497.574.970	3.497.574.970	3.497.574.970
Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD Công ty TNHH MTV DV cơ khí hàng hải PTSC	1.462.073.363	1.462.073.363	1.462.073.363	1.462.073.363
Công ty Cổ phần Bọc ống dầu khí Việt nam Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (Petechim)	3.869.728.461	3.869.728.461	3.869.728.461	3.869.728.461
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí Chi nhánh giải pháp công nghệ kiểm tra không phá hủy dầu khí Việt Nam (PV NDT)	4.908.112.884	4.908.112.884	4.756.639.584	4.756.639.584
Công ty Cổ phần Sơn dầu khí Việt Nam Trường Đại học Dầu khí Việt Nam	5.724.950.840	5.724.950.840	5.724.950.840	5.724.950.840
Viện Dầu khí Việt Nam Liên doanh Việt - Nga Vietsoverno Công đoàn Dầu khí VSP	156.368.690	156.368.690	102.380.270	102.380.270
	44.000.000	44.000.000	44.000.000	44.000.000
	371.624.710	371.624.710	371.624.710	371.624.710
	2.080.527.898	2.080.527.898	2.080.527.898	2.080.527.898
	109.000.000	109.000.000	109.000.000	109.000.000
	236.249.999	236.249.999	-	-
	434.644.000	434.644.000	224.817.114	224.817.114
	-	-	315.532.800	315.532.800
<b>Phải trả người bán ngắn hạn khác</b>	<b>332.196.689.779</b>	<b>332.196.689.779</b>	<b>234.137.394.837</b>	<b>234.137.394.837</b>
S.ONE Marine & Offshore Ltd.	5.114.894.239	5.114.894.239	5.079.633.609	5.079.633.609
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Nam - ALPHA Công ty TNHH KING-S GRATING Công ty TNHH MTV KT & TM Phụng Luật Công ty Cổ phần Công nghiệp HT Công ty Cổ phần Thương mại Kỹ thuật Hà Quang	48.045.769.083	48.045.769.083	48.045.769.083	48.045.769.083
	7.564.894.685	7.564.894.685	8.564.894.685	8.564.894.685
	2.806.467.923	2.806.467.923	2.806.467.923	2.806.467.923
	600.000.000	600.000.000	600.000.000	600.000.000
	1.622.245.642	1.622.245.642	1.822.245.642	1.822.245.642

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

**CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ**

Số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần TM Kỹ thuật M.T	1.115.436.991	1.115.436.991	1.115.436.991	1.115.436.991
Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp tỉnh BRVT ( Getraco)	5.807.524.199	5.807.524.199	6.107.524.199	6.107.524.199
Tổng công ty Ba son - Công ty TNHH một thành viên	55.010.125.531	55.010.125.531	55.010.125.531	55.010.125.531
Công ty TNHH Một thành viên Cao su 75	2.631.338.268	2.631.338.268	2.631.338.268	2.631.338.268
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC	10.556.145.723	10.556.145.723	10.556.145.723	10.556.145.723
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp & VLXD Đông Anh	2.403.201.128	2.403.201.128	2.403.201.128	2.403.201.128
Công ty Cổ phần Cơ khí Điện lực	634.439.128	634.439.128	634.439.128	634.439.128
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Sao Đại Dương	2.273.178.027	2.273.178.027	2.273.178.027	2.273.178.027
Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng Quảng Đức	1.261.610.647	1.261.610.647	-	-
Công ty TNHH Xuyên Hải	4.859.432.855	4.859.432.855	5.249.217.839	5.249.217.839
Công ty TNHH TB & DV tổng hợp GES	-	-	684.177.340	684.177.340
Công ty TNHH Thép IPC Sài Gòn	-	-	6.952.251.342	6.952.251.342
Công ty Cổ phần Thương mại hàng hóa quốc tế IPC	-	-	12.665.872.003	12.665.872.003
Các nhà cung cấp khác	179.889.985.710	179.889.985.710	60.935.476.376	60.935.476.376
<b>Cộng</b>	<b>391.005.377.126</b>	<b>391.005.377.126</b>	<b>292.067.924.733</b>	<b>292.067.924.733</b>

**15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn là các bên liên quan</i>	<b>27.868.044.063</b>	<b>34.081.287.543</b>
Ban điều hành dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	17.357.299.484	23.395.301.262
Ban điều hành các dự án của PVC tại Phía Nam	10.510.744.579	10.685.986.281
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác</i>	<b>170.913.379.574</b>	<b>255.821.333.300</b>
Công ty TNHH Hoá dầu Long Sơn	169.869.946.163	222.166.907.680
Hyundai Engineering Co., Ltd.	993.685.084	3.624.677.293
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Tân Đồng Hiệp	-	30.000.000.000
Ông Đoàn Văn Long	20.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	29.748.327	29.748.327
<b>Cộng</b>	<b>198.781.423.637</b>	<b>289.902.620.843</b>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

**CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ**

Số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa/ dịch vụ cung cấp trong nước	23.740.217.984	8.604.465.366	4.923.926.553	27.420.756.797
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	12.812.865.355	12.812.865.355	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	395.617.975	395.617.975	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(8.873.206.161)	(1.307.287.569)	-	(10.180.493.730)
Thuế thu nhập cá nhân	(3.025.867.312)	791.830.055	-	(2.234.037.257)
<i>Thuế thu nhập cá nhân phải thu</i>	<i>(3.152.704.643)</i>	<i>791.830.055</i>	-	<i>(2.360.874.588)</i>
<i>Thuế thu nhập cá nhân phải nộp</i>	<i>126.837.331</i>	-	-	<i>126.837.331</i>
Các loại thuế khác	873.253.900	1.013.340.897	1.886.594.797	-
<i>Thuế môn bài</i>	-	<i>3.000.000</i>	<i>3.000.000</i>	-
<i>Thuế nhà thầu</i>	<i>873.253.900</i>	<i>1.010.340.897</i>	<i>1.883.594.797</i>	-
<b>Cộng</b>	<b>12.714.398.411</b>	<b>22.310.832.079</b>	<b>20.019.004.680</b>	<b>15.006.225.810</b>

**Trình bày số dư trên Bảng cân đối kế toán:**

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	12.025.910.804	12.541.368.318
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	<u>24.740.309.215</u>	<u>27.547.594.128</u>

- **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng Luật thuế giá trị gia tăng hiện hành.

Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ

Thuế suất áp dụng : 10% đối với hàng bán, dịch vụ cung cấp trong nước.

- **Thuế xuất, nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo Thông báo của Hải quan.

- **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem Thuyết minh số VI.7

- **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp các loại thuế khác theo các qui định hiện hành.

# CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	251.357.073	274.914.692
Chi phí phải trả của các công trình xây lắp do Công ty thực hiện	148.730.596.948	46.845.728.163
Phí khai thác thương hiệu với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.125.779.168	1.125.779.168
<b>Cộng</b>	<b><u>150.107.733.189</u></b>	<b><u>48.246.422.023</u></b>

#### 18. Doanh thu chưa thực hiện

a) <b>Ngắn hạn</b>	<b>100.082.928</b>	<b>78.784.521</b>
Doanh thu tiền cho thuê văn phòng nhận trước	100.082.928	78.784.521
b) <b>Dài hạn</b>	<b>632.802.041</b>	<b>706.579.704</b>
Lãi của bán và mua TS thuê mua tài chính	632.802.041	706.579.704
<b>Cộng</b>	<b><u>732.884.969</u></b>	<b><u>785.364.225</u></b>

#### 19. Phải trả khác ngắn hạn

a) <b>Ngắn hạn</b>	<b>21.158.749.948</b>	<b>27.596.634.316</b>
Kinh phí công đoàn	4.523.983.697	4.094.972.397
Bảo hiểm xã hội	2.745.225.289	8.166.300.579
Bảo hiểm y tế	299.067.123	3.120.352.825
Bảo hiểm thất nghiệp	527.644.620	1.405.885.332
Các khoản phải trả, phải nộp khác	13.062.829.219	10.809.123.183
- Phải trả cổ tức	36.203.277	36.203.277
- Phải trả thuế thu nhập cá nhân	778.375.268	669.965.284
- Lãi phải trả Ngân hàng Liên Việt Đông Đô	1.972.597.668	1.972.597.668
- Lãi phải trả Ngân hàng Đại chúng - Chi nhánh Vũng Tàu	-	2.600.551.156
- Lãi phải trả vay cá nhân	1.604.374.162	851.488.457
- Ban Quản trị Chung cư	425.998.657	708.768.284
- Các quỹ ủng hộ	2.845.427.879	2.845.427.879
- Các khoản phải trả khác	5.399.852.308	1.124.121.178
b) <b>Dài hạn</b>	<b>774.188.400</b>	<b>445.789.067</b>
Nhận ký quỹ, ký cược	774.188.400	445.789.067
<b>Cộng</b>	<b><u>21.932.938.348</u></b>	<b><u>28.042.423.383</u></b>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

## CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 02 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

#### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 20. Vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu năm		Trong năm			Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Kết chuyển nợ dài hạn đến hạn trả	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>118.153.696.457</b>	<b>118.153.696.457</b>	<b>64.818.122.362</b>	<b>(64.580.792.851)</b>	<b>1.708.666.470</b>	<b>120.099.692.438</b>	<b>120.099.692.438</b>
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	<i>58.778.183.049</i>	<i>58.778.183.049</i>	<i>59.315.899.362</i>	<i>(38.059.293.577)</i>	-	<i>80.034.788.834</i>	<i>80.034.788.834</i>
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Vũng Tàu (i)	-	-	35.318.342.075	-	-	35.318.342.075	35.318.342.075
Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu (ii)	29.908.779.233	29.908.779.233	16.726.678.643	(17.235.509.115)	-	29.399.948.761	29.399.948.761
Ngân hàng TMCP Quốc dân - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu (iii)	14.386.318.367	14.386.318.367	1.147.076.303	(6.173.646.386)	-	9.359.748.284	9.359.748.284
Vay thấu chi Ngân hàng TMCP Quốc dân - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu	-	-	6.123.802.341	(167.052.627)	-	5.956.749.714	5.956.749.714
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	14.483.085.449	14.483.085.449	-	(14.483.085.449)	-	-	-
<i>Vay ngắn hạn cá nhân (iv)</i>	<i>32.880.554.000</i>	<i>32.880.554.000</i>	<i>5.502.223.000</i>	<i>(6.066.966.366)</i>	-	<i>32.315.810.634</i>	<i>32.315.810.634</i>
Vay ngắn hạn cá nhân là các bên liên quan (*)	1.880.000.000	1.880.000.000	-	(1.100.000.000)	-	780.000.000	780.000.000
Vay ngắn hạn cá nhân khác	31.000.554.000	31.000.554.000	5.502.223.000	(4.966.966.366)	-	31.535.810.634	31.535.810.634
<i>Vay ngắn hạn tổ chức</i>	<i>5.660.729.626</i>	<i>5.660.729.626</i>	-	<i>(2.660.729.626)</i>	-	<i>3.000.000.000</i>	<i>3.000.000.000</i>
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu Khí Việt Nam (*)	2.660.729.626	2.660.729.626	-	(2.660.729.626)	-	-	-
Daeah E&C Vietnam (v)	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>7.837.696.556</i>	<i>7.837.696.556</i>	-	<i>(4.798.848.278)</i>	<i>1.708.666.470</i>	<i>4.747.514.748</i>	<i>4.747.514.748</i>
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi	1.760.000.000	1.760.000.000	-	(1.760.000.000)	-	-	-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

## CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

#### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số đầu năm		Trong năm			Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Kết chuyển nợ dài hạn đến hạn trả	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
nhanh Vũng Tàu							
Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu (vi)	6.077.696.556	6.077.696.556	-	(3.038.848.278)	1.708.666.470	4.747.514.748	4.747.514.748
<i>Nợ thuê tài chính đến hạn trả</i>	<i>12.996.533.226</i>	<i>12.996.533.226</i>	-	<i>(12.994.955.004)</i>	-	<i>1.578.222</i>	<i>1.578.222</i>
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP HCM	11.089.909.788	11.089.909.788	-	(11.089.909.788)	-	-	-
Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	1.906.623.438	1.906.623.438	-	(1.905.045.216)	-	1.578.222	1.578.222
<b>b) Dài hạn</b>	<b>4.769.635.723</b>	<b>4.769.635.723</b>	-	-	<b>(1.708.666.470)</b>	<b>3.060.969.253</b>	<b>3.060.969.253</b>
Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu (vi)	4.769.635.723	4.769.635.723	-	-	(1.708.666.470)	3.060.969.253	3.060.969.253
<b>Cộng</b>	<b>122.923.332.180</b>	<b>122.923.332.180</b>	<b>64.818.122.362</b>	<b>(64.580.792.851)</b>	-	<b>123.160.661.691</b>	<b>123.160.661.691</b>
<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn là bên liên quan (*)</b>	<b>4.540.729.626</b>	<b>4.540.729.626</b>				<b>780.000.000</b>	<b>780.000.000</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty có các khoản vay, nợ chủ yếu như sau:

- (i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Vũng Tàu theo Hợp đồng cho vay số 28540.20.551.936443.TD ngày 22 tháng 6 năm 2020, hạn mức cho vay là 35.000.000.000 VND, thời hạn cấp hạn mức là từ ngày ký Hợp đồng đến ngày 30 tháng 3 năm 2022 và không quá 03 tháng cho mỗi khoản vay. Mục đích của khoản vay để bổ sung vốn lưu động thực hiện gói thầu A2 kho chứa và các đường ống dẫn liên kết của dự án tổ hợp LSP theo hợp đồng số LSP-CA-147 ký ngày 25/6/2018. Khoản vay này chịu lãi suất được quy định tại các văn bản nhận nợ. Công ty đã sử dụng máy móc thiết bị có giá trị còn lại là để thế chấp cho khoản vay này (xem Thuyết minh số V.8).

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



## CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 02 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thới Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

#### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (ii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu theo với hạn mức cho vay là 50.000.000.000 VND. Thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 30 tháng 4 năm 2021. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay này chịu lãi suất theo thỏa thuận của hai bên theo từng Giấy nhận nợ. Khoản tín dụng này được bảo đảm bằng quyền đòi nợ và thụ hưởng số tiền đòi nợ, quyền được chia và sử dụng, khai thác/ sở hữu sản phẩm được phân chia và các quyền tài sản khác của Công ty.
- (iii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quốc Dân - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu theo hợp đồng số 14/20/HĐHM-9232 ngày 27 tháng 4 năm 2020 và Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ/14/20/HĐHM-9232 ngày 27 tháng 4 năm 2020, hạn mức cấp tín dụng là 50.000.000.000 VND, thời hạn duy trì hạn mức cấp tín dụng là 12 tháng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay này chịu lãi suất theo thỏa thuận của hai bên theo Khế ước nhận nợ. Công ty đã sử dụng quyền đòi nợ đã hình thành/ hình thành trong tương lai phát sinh từ các hợp đồng kinh tế giữa Công ty và đối tác là Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro để thế chấp cho khoản vay này.
- (iv) Các khoản vay từ các cá nhân để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh có thời hạn từ 6 tháng đến 12 tháng, chịu lãi suất từ 6%/năm đến 18%/năm, các khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (v) Vay ngắn hạn Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng DAE AH theo hợp đồng vay vốn số 19/2019/PVCMMS-DAEAH ngày 13 tháng 11 năm 2020 và Phụ lục Hợp đồng cho vay vốn ngày 18 tháng 6 năm 2020, số tiền cho vay là 3.000.000.000 VND, thời hạn từ ngày 13 tháng 11 năm 2019 đến ngày 13 tháng 8 năm 2020. Khoản vay này chịu lãi suất 7,5%/năm. Công ty đã sử dụng quyền đòi nợ đã hình thành/hình thành trong tương lai phát sinh từ các hợp đồng kinh tế giữa Công ty và đối tác là Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro để thế chấp cho khoản vay này.
- (vi) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu theo các Hợp đồng tín dụng sau:
- Vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 9880/2015-HĐTDDA/NHCT880-PXS ngày 22 tháng 01 năm 2016 và Phụ lục lịch trả nợ gốc Hợp đồng tín dụng số 9880/2015-HĐTDDA/NHCT880-PXS-PL01 ngày 01 tháng 6 năm 2016 với số tiền cam kết cho vay là 21.248.000.000 VND dùng để thanh toán chi phí hợp pháp, hợp lệ để đầu tư phương tiện vận tải, máy móc thiết bị thuộc dự án Nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2015 của Công ty, thời hạn cho vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân 11 tháng 3 năm 2016 đến ngày 11 tháng 3 năm 2021. Khoản vay này chịu lãi suất 8%/năm trong 12 tháng đầu tiên và được điều chỉnh kể từ tháng 13 trở đi. Khoản vay này được bảo đảm bằng Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 9880/2015-HĐTC-DA/NHCT880-PXS ngày 08/01/2016.
  - Vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 9749/2016-HĐTDDA/NHCT880-PXS ngày 01 tháng 4 năm 2016 và Phụ lục lịch trả nợ gốc Hợp đồng tín dụng số 9749/2016-HĐTDDA/NHCT880-PXS-HĐTDDA/NHCT880-PXS-PL01 ngày 01 tháng 11 năm 2016 với số tiền cam kết cho vay là 166.698.000.000 VND dùng để thanh toán chi phí hợp pháp, hợp lệ để đầu tư dự án Bãi cảng chế tạo kết cấu kim loại và thiết bị dầu khí Sao Mai Bến Đình giai đoạn II - Phân kỳ 3, thời hạn cho vay 72 tháng kể từ ngày giải ngân 14 tháng 4 năm 2016 đến ngày 11 tháng 4 năm 2022. Khoản vay này chịu lãi suất 8%/năm trong 12 tháng đầu tiên và được điều chỉnh kể từ tháng 13 trở đi. Khoản vay này được bảo đảm bằng Hợp đồng thế chấp tài sản số 880/GHTD/16101004-PVCMMS; Hợp

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*

# CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

đồng thế chấp tài sản số 880/GHTD/16101005-PVCMS; Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 880/GHTD/16101006-PVCMS.

- Vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 16101025/2016-HĐTDDA/NHCT880-PVCMS ngày 28 tháng 10 năm 2016 với số tiền cam kết cho vay không vượt quá 9.216.000.000 VND dùng để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án mua lại tài sản của CTCP Cung cấp Dịch vụ Phương tiện nổi F.V.S tại bãi cảng chế tạo kết cấu kim loại và thiết bị dầu khí theo Hợp đồng số 246/09/2016/HĐCN/PVCMS-FVS ngày 23 tháng 9 năm 2016, thời hạn cho vay 48 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay này chịu lãi suất 7,5%/năm trong 12 tháng đầu tiên và được điều chỉnh kể từ tháng 13 trở đi. Khoản vay này được bảo đảm bằng Hợp đồng thế chấp tài sản số 880/GHTD/16101019-PVCMS.

Các khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trong vòng 1 năm	1.708.666.470	6.077.696.556
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	3.060.969.253	4.769.635.723
	<b>4.769.635.723</b>	<b>10.847.332.279</b>
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	<u>(1.708.666.470)</u>	<u>(6.077.696.556)</u>
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b><u>3.060.969.253</u></b>	<b><u>4.769.635.723</u></b>

### 21. Dự phòng phải trả

a) <b>Ngắn hạn</b>	<b>3.011.374.150</b>	<b>2.843.965.400</b>
Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	170.310.400	170.310.400
Dự phòng phải trả khác	2.841.063.750	2.673.655.000
b) <b>Dài hạn</b>	<b>2.019.913.505</b>	<b>2.019.913.505</b>
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	2.019.913.505	2.019.913.505
<b>Cộng</b>	<b><u>5.031.287.655</u></b>	<b><u>4.863.878.905</u></b>

### 22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	7.357.953.301	10.119.583.301
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	-	-
Chi/ sử dụng các quỹ	<u>(1.664.893.649)</u>	<u>(2.761.630.000)</u>
<b>Số cuối năm/ kỳ</b>	<b><u>5.693.059.652</u></b>	<b><u>7.357.953.301</u></b>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

## CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 02 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

#### 23. Vốn chủ sở hữu

##### Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Năm trước</b>						
Số đầu năm	600.000.000.000	13.251.400.000	(20.000)	92.258.894.332	(100.098.441.098)	605.411.833.234
Lỗi trong năm	-	-	-	-	(268.589.030.452)	(268.589.030.452)
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	815.195.438	815.195.438
<b>Số cuối năm</b>	<b>600.000.000.000</b>	<b>13.251.400.000</b>	<b>(20.000)</b>	<b>92.258.894.332</b>	<b>(367.872.276.112)</b>	<b>337.637.998.220</b>
<b>Kỳ này</b>						
Số đầu năm	600.000.000.000	13.251.400.000	(20.000)	92.258.894.332	(367.872.276.112)	337.637.998.220
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	1.902.064.420	1.902.064.420
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>600.000.000.000</b>	<b>13.251.400.000</b>	<b>(20.000)</b>	<b>92.258.894.332</b>	<b>(365.970.211.692)</b>	<b>339.540.062.640</b>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

# CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 02 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi đến lần thứ mười hai số 3500834094 vào ngày 21 tháng 6 năm 2018, vốn điều lệ của Công ty là 600.000.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn đã góp	
	VND	%	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	305.845.330.000	50,97%	305.845.330.000	305.845.330.000
Công ty TNHH Mecpcom Offshore & Marine	60.000.000.000	10,00%	60.000.000.000	60.000.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	234.154.670.000	39,03%	234.154.670.000	234.154.670.000
<b>Cộng</b>	<b>600.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>600.000.000.000</b>	<b>600.000.000.000</b>

#### Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	60.000.000	60.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	60.000.000	60.000.000
Cổ phiếu phổ thông	60.000.000	60.000.000
Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	2	2
Cổ phiếu phổ thông	2	2
Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	59.999.998	59.999.998
Cổ phiếu phổ thông	59.999.998	59.999.998
Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

#### 24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

##### a. Ngoại tệ các loại

	Đơn vị tính	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đô la Mỹ	USD	6.331,92	44.747,62

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

**CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ**

Số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****b. Nợ khó đòi đã xử lý**

	<u>Nguyên nhân xóa sổ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khách hàng	Không thu hồi được	1.071.178.245	1.071.178.245
Các khoản trả trước, tạm ứng	Không thu hồi được	324.610.523	324.610.523
<b>Cộng</b>		<b>1.395.788.768</b>	<b>1.395.788.768</b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Đơn vị tính: VND

**1. Doanh thu**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Doanh thu hoạt động xây lắp (*)	461.183.206.089	89.316.225.472
Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.556.126.368	38.161.458.982
<b>Cộng</b>	<b>476.739.332.457</b>	<b>127.477.684.454</b>

**Doanh thu đối với các bên liên quan**

Ban điều hành dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	-	49.179.097.006
Công ty Cổ phần Dịch vụ lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công trình Dầu khí biển PTSC	-	478.160.318
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	-	288.420.600
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật khoan Dầu khí (PVD)	54.919.560	55.670.130
Liên doanh Việt - Nga Vietsovetro	27.996.279.600	36.048.639.773
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình	30.000.000	109.573.979
Ban điều hành các dự án của PVC tại Phía Nam	(1.105.022.813)	8.840.156.174
<b>Cộng</b>	<b>26.976.176.347</b>	<b>94.999.717.980</b>

(\*) Doanh thu hoạt động xây lắp kỳ này không bao gồm giá trị khối lượng công việc xây lắp hoàn thành được khách hàng xác nhận trong tháng 01 năm 2020 với số tiền 1.750.000.000 VND do đã ghi nhận vào Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019. Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng và tin tưởng rằng, việc ghi nhận doanh thu như trên không ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

**2. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hoạt động xây lắp (*)	439.548.315.834	140.947.803.507
Giá vốn cung cấp dịch vụ	11.749.468.488	29.329.895.014
<b>Cộng</b>	<b>451.297.784.322</b>	<b>170.277.698.521</b>

(\*) Giá vốn hoạt động xây lắp kỳ này không bao gồm giá vốn tương ứng với phần khối lượng công việc xây lắp hoàn thành được khách hàng xác nhận trong tháng 01 năm 2020 với số tiền 3.098.275.480 VND do đã ghi nhận vào Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019. Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

# CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

thận trọng và tin tưởng rằng, việc ghi nhận như trên không ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

#### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi	211.236.617	4.469.007.358
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	244.848.558	16.109.631
<b>Cộng</b>	<b>456.085.175</b>	<b>4.485.116.989</b>

#### 4. Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay	4.871.128.953	11.311.093.292
Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	-	220.073.373
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	45.011.589	14.055.106
<b>Cộng</b>	<b>4.916.140.542</b>	<b>11.545.221.771</b>

#### 5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên	8.186.509.190	12.463.721.833
Chi phí đồ dùng văn phòng	318.942.207	222.530.024
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.996.188.168	2.351.906.744
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	15.660.000
Chi phí dự phòng	5.600.749.824	3.354.900.452
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.712.307.431	3.182.485.811
Chi phí bằng tiền khác	1.899.652.247	709.924.254
<b>Cộng</b>	<b>19.717.349.067</b>	<b>22.301.129.118</b>

#### 6. Thu nhập (lỗ) khác

<b>Thu nhập khác</b>	<b>104.036.417</b>	<b>23.391.841.009</b>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	2.781.886.362
Hoàn nhập chi phí bảo hành công trình	-	19.888.630.391
Tiền đền bù do mất giàn giáo	3.418.500	-
Tiền cho thuê mặt bằng	87.272.727	18.141.303
Thu nhập khác	13.345.190	703.182.953
<b>Chi phí khác</b>	<b>773.403.267</b>	<b>1.279.983.297</b>
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	371.419.831	-
Các khoản bị phạt	12.000.000	486.022.273
Chi phí khác	389.983.436	793.961.024
<b>Lợi nhuận (lỗ) khác thuần</b>	<b>(669.366.850)</b>	<b>22.111.857.712</b>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

**CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ**

Số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Kỳ này	Kỳ trước
<b>Lợi nhuận (lỗ) trước thuế</b>	<b>594.776.851</b>	<b>(50.049.390.255)</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>	<b>(594.776.851)</b>	<b>7.287.587.958</b>
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(895.812.049)	(218.685.874)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	301.035.198	7.506.273.832
<b>Thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế)</b>	<b>-</b>	<b>(42.761.802.297)</b>
Thuế suất áp dụng	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế. Tuy nhiên, Công ty không trích lập thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ do Công ty không có thu nhập chịu thuế.

**8. Lãi trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

**a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

<b>Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>1.902.064.420</b>	<b>(50.049.390.255)</b>
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
<b>Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>1.902.064.420</b>	<b>(50.049.390.255)</b>
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	59.999.998	59.999.998
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>32</b>	<b>(834)</b>

**b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

<b>Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>1.902.064.420</b>	<b>(50.049.390.255)</b>
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu	-	-
<b>Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng</b>	<b>1.902.064.420</b>	<b>(50.049.390.255)</b>
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	59.999.998	59.999.998
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	59.999.998	59.999.998
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>32</b>	<b>(834)</b>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

# CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	132.869.546.156	39.403.341.296
Chi phí nhân công	71.485.203.817	63.679.542.887
Chi phí khấu hao tài sản cố định	26.368.882.320	29.503.000.753
Chi phí dịch vụ mua ngoài	328.841.914.400	30.331.077.226
Chi phí bằng tiền khác	2.775.110.881	15.555.281.613
<b>Cộng</b>	<b><u>562.340.657.574</u></b>	<b><u>178.472.243.775</u></b>

#### VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

##### 1. Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong kỳ nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu	20.301.370	704.578.823
Chi phí lãi vay phải trả	<u>1.025.149.668</u>	<u>3.180.332.981</u>

##### 2. Các khoản giao dịch bằng tiền có ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong kỳ nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu năm trước đã thu trong kỳ	40.544	757.443.116
Chi phí lãi vay phải trả năm trước đã trả trong kỳ	<u>2.302.803.814</u>	<u>654.432.467</u>

##### 3. Các khoản tiền và tương đương tiền Công ty đang nắm giữ nhưng không được sử dụng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số dư tiền gửi ngân hàng bị hạn chế sử dụng (xem Thuyết minh VI.1)	<u>1.856.538.260</u>	<u>1.852.738.775</u>

#### VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

##### 1. Tài sản cho thuê

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản thu tiền cho thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trong vòng 1 năm	2.364.465.113	2.424.714.380
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	7.264.296.598	9.063.316.748
Sau năm thứ 5	2.354.896.156	4.123.456.374
<b>Cộng</b>	<b><u>11.983.657.867</u></b>	<b><u>15.611.487.502</u></b>

Các khoản tiền thu được từ các hợp đồng cho thuê hoạt động thể hiện:

- Tổng số tiền cho thuê 134,5 m2 Khu phức hợp chung cư cao ốc Văn phòng tại số 02 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu theo Hợp đồng kinh tế cho thuê văn phòng số 139/HĐ/KCKL-ABB ngày 21 tháng 4 năm 2014 và Phụ lục Hợp đồng số

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



## CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

#### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

01/PLHĐTN/KCKL-ABB.2019 ngày 02 tháng 4 năm 2019 được ký với thời hạn 10 năm tính từ ngày 5 tháng 5 năm 2014, đơn giá thuê 25.541.550 VND/tháng.

- Tổng số tiền cho thuê 360,7 m<sup>2</sup> Khu thương mại - Tầng 1, Khu phức hợp chung cư cao ốc Văn phòng tại số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu theo Hợp đồng thuê tòa nhà văn phòng số 6000830180/HĐ/2018/KCKL-VIB ngày 15 tháng 4 năm 2018 được ký với thời hạn 10 năm tính từ ngày 15 tháng 4 năm 2018, đơn giá thuê 84.426.953 VND/tháng.
- Tổng số tiền cho thuê trạm đặt máy ATM dài 2,1 m x rộng 1,4 m x cao 2,7 m tại Khu phức hợp chung cư cao ốc Văn phòng tại số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu theo Hợp đồng kinh tế cho thuê mặt bằng ngày 10 tháng 5 năm 2017 được ký với thời hạn 5 năm tính từ ngày 10 tháng 5 năm 2017, đơn giá thuê 3.000.000 VND/tháng.
- Tổng số tiền cho thuê trạm đặt máy ATM dài 1,9 m x rộng 2,1 m x cao 3,1 m tại Khu phức hợp chung cư cao ốc Văn phòng tại số 02 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu theo Hợp đồng thuê địa điểm đặt máy ATM số 317/HĐ-ATM.2018 ngày 31 tháng 7 năm 2018 được ký với thời hạn 3 năm tính từ ngày 01 tháng 8 năm 2018, đơn giá thuê 3.000.000 VND/tháng.
- Tổng số tiền cho thuê trạm đặt máy ATM rộng 1,7m x dài 1,8m x cao 2,75m tại Khu phức hợp chung cư cao ốc Văn phòng tại số 02 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu theo Hợp đồng thuê địa điểm đặt máy ATM số 423/2017/HĐATM/TNS-PVC ngày 6 tháng 7 năm 2017 được ký với thời hạn 3 năm tính từ ngày 6 tháng 7 năm 2017, đơn giá thuê 3.000.000 VND/tháng.
- Tổng số tiền cho thuê 12 m<sup>2</sup> Khu phức hợp chung cư cao ốc Văn phòng tại số 02 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu theo Hợp đồng kinh tế cho thuê phòng lắp đặt và triển khai đầu tư hệ thống tăng cường chất lượng sóng di động trong tòa nhà: Phức hợp Chung cư Cao ốc Văn phòng số 02 Nguyễn Hữu Cảnh, P. Thắng Nhất, TP Vũng Tàu số 16HĐ/KCKL-PTECH ngày 17 tháng 01 năm 2012 được ký với thời hạn 20 năm tính từ ngày 17 tháng 01 năm 2012, đơn giá thuê 5.454.545 VND/tháng.
- Tổng số tiền cho thuê 33,6 m<sup>2</sup> Khu phức hợp chung cư cao ốc Văn phòng tại số 02 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu theo Hợp đồng kinh tế cho thuê phòng máy lắp đặt thiết bị viễn thông số 140HĐ/2012/KCKL-VIETTEL ngày 10 tháng 6 năm 2012 được ký với thời hạn 10 năm tính từ ngày 01 tháng 6 năm 2012, đơn giá thuê 3.636.364 VND/tháng.
- Tổng số tiền cho thuê 500 m<sup>2</sup> Tầng trệt, tầng 2 Khu phức hợp chung cư cao ốc Văn phòng tại số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu theo Hợp đồng kinh tế cho thuê văn phòng số 374HĐ/2012/KCKL-SIEC ngày 27 tháng 12 năm 2014 và Phụ lục từ 01 đến phụ lục 06 được ký với thời hạn 10 năm, đơn giá thuê thay đổi theo thông báo tùy thời điểm.

## 2. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

### *Giao dịch với các bên liên quan*

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

#### **Bên liên quan**

##### ***Công ty mẹ***

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC)

##### ***Các đơn vị cùng chủ sở hữu (PVC)***

Ban điều hành dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*

# CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ban điều hành các dự án của PVC tại Phía Nam  
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí  
Công ty Cổ phần Trang trí nội thất Dầu Khí  
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An

#### **Công ty mẹ tối cao (Chủ sở hữu của PVC)**

Tập Đoàn Dầu khí Việt Nam

#### **Các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Chủ sở hữu của PVC)**

Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - CTCP (PVE)  
Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV OIL)  
Liên doanh Việt - Nga Vietsovetro  
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu  
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (Petechim)  
Công ty Cổ phần Dịch vụ lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công trình Dầu khí biển PTSC  
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC  
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình  
Công ty Cổ phần Chế tạo giàn khoan Dầu khí  
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển - Petrosetco  
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật khoan Dầu khí (PVD)  
Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam  
Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt nam  
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Vũng tàu  
Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí  
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

#### **Các bên liên quan**

Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình  
Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD  
Công ty TNHH Công đoàn Dầu khí Việt Xô  
Viện Dầu khí Việt Nam  
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu Khí.  
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)  
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí miền Nam

#### **Các thành viên chủ chốt**

Ông Thái Doãn Thuyết - Phó Giám đốc  
Ông Nguyễn Anh Tuấn - Phó Giám đốc

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
<b>Doanh thu</b>		
Ban điều hành dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	-	49.179.097.006
Công ty Cổ phần Dịch vụ lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công trình Dầu khí biển PTSC	-	478.160.318
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	-	288.420.600

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

**CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ**

Số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thới Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật khoan Dầu khí (PVD)	54.919.560	55.670.130
Liên doanh Việt - Nga Vietsovetro	27.996.279.600	36.048.639.773
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình	30.000.000	109.573.979
Ban điều hành các dự án của PVC tại Phía Nam	<u>(1.105.022.813)</u>	<u>8.840.156.174</u>
<b>Mua hàng</b>		
Ban điều hành Dự án nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	275.464.613	314.020.038
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	390.803.443	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình	2.297.650.778	1.835.496.170
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	1.757.323.184	1.739.582.729
Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt nam	137.703.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Vũng tàu	446.893.767	469.779.091
Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	21.818.181	79.999.997
Công ty Cổ phần Chế tạo giàn khoan Dầu khí	1.934.014.003	11.089.600
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	-	20.000.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	58.896.459	143.477.856
Liên doanh Việt - Nga Vietsovetro	236.951.715	1.375.321.500
Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD	-	812.737.375
Công ty TNHH Công đoàn Dầu khí Việt Xô	-	19.500.000
Viện Dầu khí Việt Nam	306.818.180	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	-	688.775.886
Ban điều hành các dự án của PVC tại Phía Nam	<u>5.454.545</u>	<u>6.256.223</u>

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan như sau:

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>		
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu Khí.	195.228.500	195.228.500
Ban điều hành dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	43.852.633.214	50.193.646.069
Ban điều hành các dự án của PVC tại Phía Nam	1.212.011.002	2.606.513.398
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống bể chứa Dầu khí - XNXL1	13.369.400	13.369.400
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)	200.156.144	200.156.144
Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV OIL)	6.050.948.957	6.050.948.957
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật khoan Dầu khí (PVD)	65.207.646	249.208.373
Công ty Cổ phần Dịch vụ lắp đặt, Vận hành và	553.038.200	553.038.200

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

# CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo dưỡng công trình Dầu khí biển PTSC		
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	2.743.127.776	2.743.127.776
Liên doanh Việt - Nga Vietsovet	16.902.931.345	18.584.243.519
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí miền Nam	264.053.900	264.053.900
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>		
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	353.896.681	353.896.681
Công ty Cổ phần Trang trí nội thất Dầu Khí	718.342.062	718.342.062
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>		
Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam	1.623.094.684	1.623.094.684
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	20.026.981.293	20.233.861.839
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	135.220.650	135.220.650
CN Xây lắp Công trình Dầu khí Phía Bắc - PVC	278.440.483	278.440.483
Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Bình Sơn	1.044.106.790	1.044.106.790
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	1.714.723.844	1.714.723.844
Ban điều hành các dự án của PVC tại Phía Nam	6.000.000	6.000.000
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	397.877.829	397.877.829
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí-CTCP (PVE)	2.274.571.394	2.274.571.394
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	24.000.000	135.999.999
Công ty TNHH Khách sạn Dầu khí PTSC	6.860.700	6.860.700
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình	3.643.473.733	3.669.873.594
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu (PVOIL Vũng Tàu)	2.725.937.801	2.921.118.501
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	246.555.998	246.555.998
Công ty Bảo hiểm PVI Vũng tàu	209.465.334	98.835.142
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật khoan Dầu khí (PVD)	173.597.970	418.653.814
Công ty Cổ phần Kinh doanh khí Miền Nam - CN Miền Đông	165.884.625	165.884.625
Công ty Cổ phần Chế tạo giàn khoan Dầu khí	1.217.038.404	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển - Petrosetco	3.497.574.970	3.497.574.970
Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD	1.462.073.363	1.462.073.363
Công ty TNHH MTV DV cơ khí hàng hải PTSC	3.869.728.461	3.869.728.461
Công ty Cổ phần Bọc ống dầu khí Việt nam	4.908.112.884	4.756.639.584
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí	5.724.950.840	5.724.950.840

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

# CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
(Petechim)		
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	156.368.690	102.380.270
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	44.000.000	44.000.000
Chi nhánh giải pháp công nghệ kiểm tra không phá hủy dầu khí Việt Nam (PV NDT)	371.624.710	371.624.710
Công ty Cổ phần Sơn dầu khí Việt Nam	2.080.527.898	2.080.527.898
Trường Đại học Dầu khí Việt Nam	109.000.000	109.000.000
Viện Dầu khí Việt Nam	236.249.999	-
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	434.644.000	224.817.114
Công đoàn Dầu khí VSP	-	315.532.800
<b>Người mua trả tiền ngắn hạn</b>		
Ban điều hành dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	17.357.299.484	23.395.301.262
Ban điều hành các dự án của PVC tại Phía Nam	10.510.744.579	10.685.986.281
<b>Vay ngắn hạn</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu Khí Việt Nam	-	2.660.729.626
Ông Thái Doãn Thuyết	-	800.000.000
Ông Nguyễn Anh Tuấn	780.000.000	1.080.000.000

### 3. Thu nhập của Giám đốc

Thu nhập của Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Tiền lương	992.966.000	1.056.893.000
Thù lao Hội đồng quản trị	242.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.234.966.000</b>	<b>1.056.893.000</b>

### 4. Báo cáo theo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là xây lắp. Trong kỳ, Công ty không có hoạt động sản xuất kinh doanh nào khác trọng yếu, theo đó, thông tin trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả kinh doanh cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 đều liên quan đến hoạt động xây lắp. Doanh thu và giá vốn theo từng hoạt động kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh VI.1 và VI.2. Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam, do vậy, Công ty không lập Báo cáo bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý nào ngoài Việt Nam.

### 5. Công cụ tài chính

#### Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần (các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số V.20, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*

# CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, cổ phiếu quỹ, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lỗ lũy kế)).

#### Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản vay	123.160.661.691	122.923.332.180
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(18.325.406.329)	(102.507.019.226)
Nợ thuần	104.835.255.362	20.416.312.954
Vốn chủ sở hữu	339.540.062.640	337.637.998.220
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>30,88%</b>	<b>6,05%</b>

#### Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

#### Các loại công cụ tài chính

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.325.406.329	18.325.406.329	102.507.019.226	102.507.019.226
Phải thu của khách hàng	287.655.591.051	287.655.591.051	128.912.702.731	128.912.702.731
Phải thu khác	22.352.492.904	22.352.492.904	30.689.906.616	30.689.906.616
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	50.000.000	50.000.000	50.000.000	50.000.000
<b>Cộng</b>	<b>328.383.490.284</b>	<b>328.383.490.284</b>	<b>262.159.628.573</b>	<b>262.159.628.573</b>

#### Nợ phải trả tài chính

Phải trả cho người bán	391.005.377.126	391.005.377.126	292.067.924.733	292.067.924.733
Chi phí phải trả	148.730.596.948	148.730.596.948	46.845.728.163	46.845.728.163
Phải trả khác	10.213.214.472	10.213.214.472	7.739.519.087	7.739.519.087
Các khoản vay	123.160.661.691	123.160.661.691	122.923.332.180	122.923.332.180
<b>Cộng</b>	<b>673.109.850.237</b>	<b>673.109.850.237</b>	<b>469.576.504.163</b>	<b>469.576.504.163</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giải định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính như sau:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu của khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay và nợ thuê tài chính tương đương với giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi) của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ ngắn hạn.

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*

# CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được xác định như trình bày tại Thuyết minh số V.13.
- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

#### **Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

#### ***Rủi ro thị trường***

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này cũng như đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa các rủi ro này có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về yếu tố của các công cụ tài chính trong tương lai.

#### ***Quản lý rủi ro tỷ giá***

Rủi ro tỷ giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty thực hiện nhập khẩu các vật tư thiết bị chủ yếu cho công trình xây lắp có gốc ngoại tệ USD, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tuy nhiên, tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Ban Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến kết quả hoạt động kinh doanh là không đáng kể.

#### ***Quản lý rủi ro về giá***

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của hàng hóa sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

#### ***Quản lý về rủi ro về giá nguyên vật liệu***

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

#### ***Quản lý rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách quy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

#### ***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*

# CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

### **Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Ngoài trừ tiền gửi ngân hàng tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương có số tiền là 1.856.538.260 VND đang bị hạn chế sử dụng, phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

#### *Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu trả trước, trả tiền ngay hoặc thanh toán theo tiến độ thực hiện hợp đồng và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng quá hạn, khó đòi.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn liên quan đến nhóm khách hàng xây lắp, rủi ro tín dụng đã được Ban Giám đốc Công ty đánh giá một cách cẩn trọng như trình bày tại Thuyết minh số V.5.

#### *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<b>Từ 1 năm trở xuống</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối kỳ</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.325.406.329	-	-	18.325.406.329
Phải thu của khách hàng	287.655.591.051	-	-	287.655.591.051
Phải thu khác	7.236.415.559	15.116.077.345	-	22.352.492.904
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-	50.000.000	50.000.000
<b>Cộng</b>	<b>313.217.412.939</b>	<b>15.116.077.345</b>	<b>50.000.000</b>	<b>328.383.490.284</b>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



## CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

#### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Phải trả cho người bán	391.005.377.126	-	-	391.005.377.126
Chi phí phải trả	148.730.596.948	-	-	148.730.596.948
Phải trả khác	9.439.026.072	774.188.400	-	10.213.214.472
Các khoản vay	120.099.692.438	3.060.969.253	-	123.160.661.691
<b>Cộng</b>	<b>669.274.692.584</b>	<b>3.835.157.653</b>	-	<b>673.109.850.237</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(356.057.279.645)</b>	<b>11.280.919.692</b>	<b>50.000.000</b>	<b>(344.726.359.953)</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	102.507.019.226	-	-	102.507.019.226
Phải thu của khách hàng	128.912.702.731	-	-	128.912.702.731
Phải thu khác	11.381.536.533	19.308.370.083	-	30.689.906.616
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-	50.000.000	50.000.000
<b>Cộng</b>	<b>242.801.258.490</b>	<b>19.308.370.083</b>	<b>50.000.000</b>	<b>262.159.628.573</b>
Phải trả cho người bán	292.067.924.733	-	-	292.067.924.733
Chi phí phải trả	46.845.728.163	-	-	46.845.728.163
Phải trả khác	7.293.730.020	445.789.067	-	7.739.519.087
Các khoản vay	118.153.696.457	4.769.635.723	-	122.923.332.180
<b>Cộng</b>	<b>464.361.079.373</b>	<b>5.215.424.790</b>	-	<b>469.576.504.163</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(221.559.820.883)</b>	<b>14.092.945.293</b>	<b>50.000.000</b>	<b>(207.416.875.590)</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức cao do các công nợ tài chính cao hơn tài sản tài chính. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty tin rằng hoạt động kinh doanh của Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

#### 6. Sự kiện sau ngày ngày kết thúc kỳ kế toán

Vào ngày 6 tháng 7 năm 2020, Công ty nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký thay đổi lần thứ 13, về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ông Trần Vũ Phụng, chức danh Giám đốc Công ty, sang ông Đinh Văn Tân.

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2020 yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ**

Số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Vũng Tàu, ngày 15 tháng 8 năm 2020



**ĐINH VĂN TÂN**  
Giám đốc

**PHẠM NGỌC TÚ**  
Kế toán trưởng

**NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LAN**  
Người lập biểu

